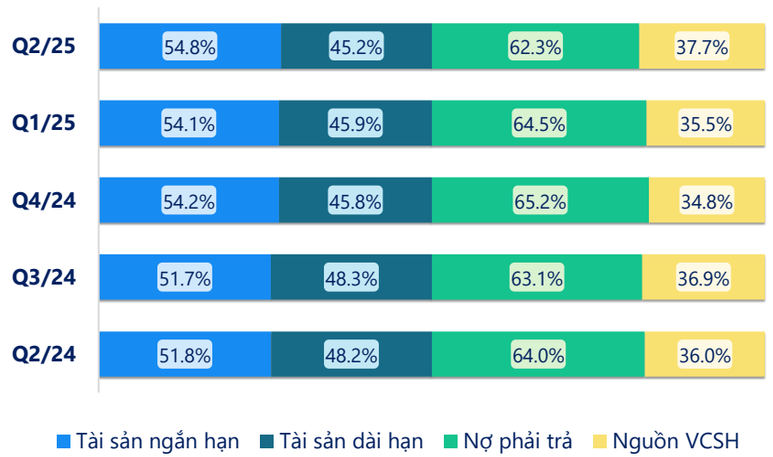
FireAnt

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (HSX: BCM)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	64,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	52,000
SL cổ phiếu LH	1,035,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	512,705
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	66,447
P/E	18.7
EPS	3,428

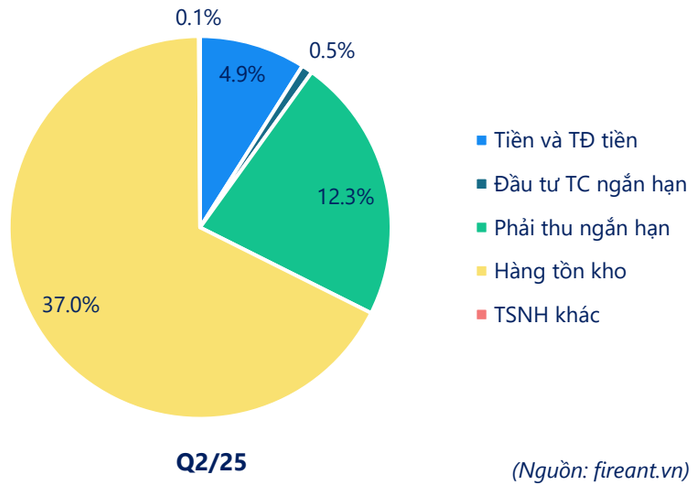
	YTD	1T	3T	6T
BCM	-9.3%	5.1%	-14.2%	-7.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



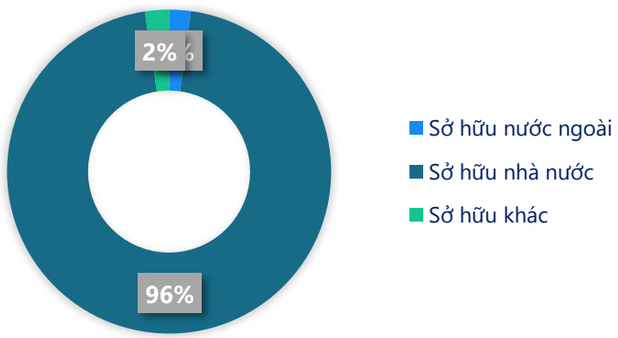
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



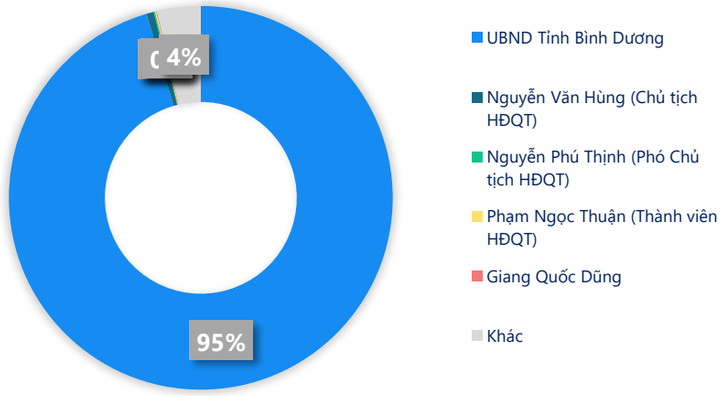
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



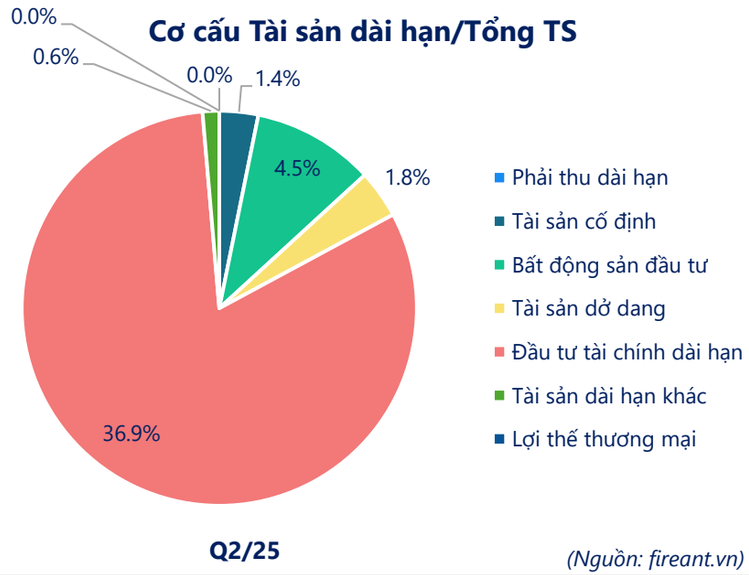
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

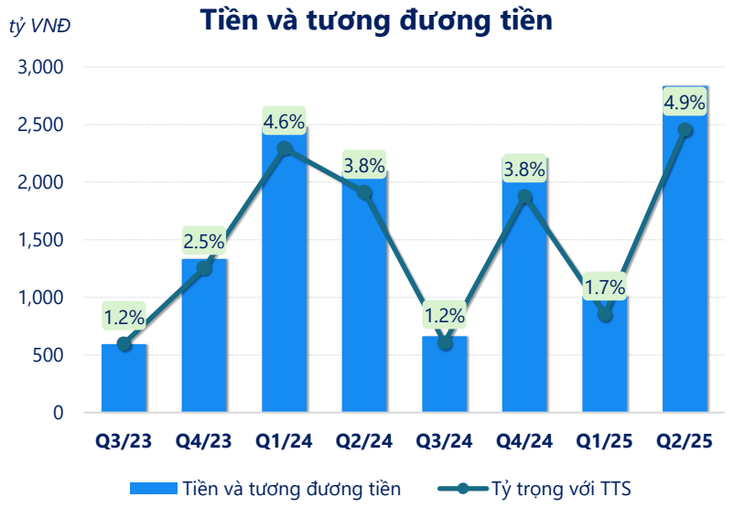


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

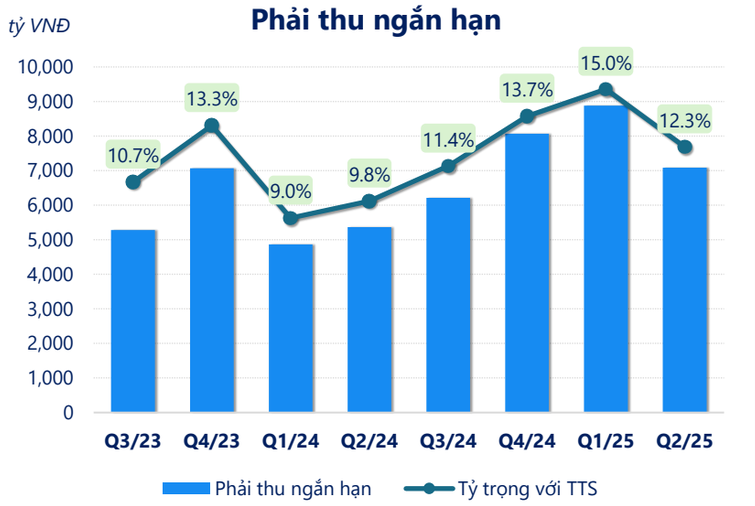
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (HSX: BCM)

Tiền và tương đương tiền



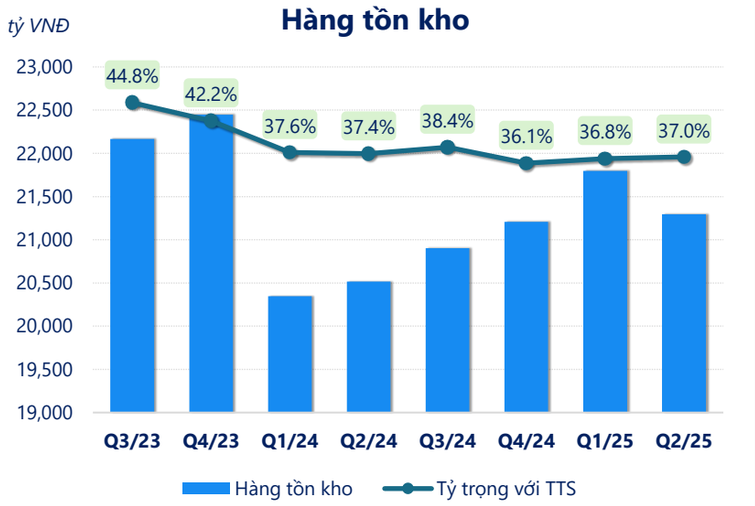
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



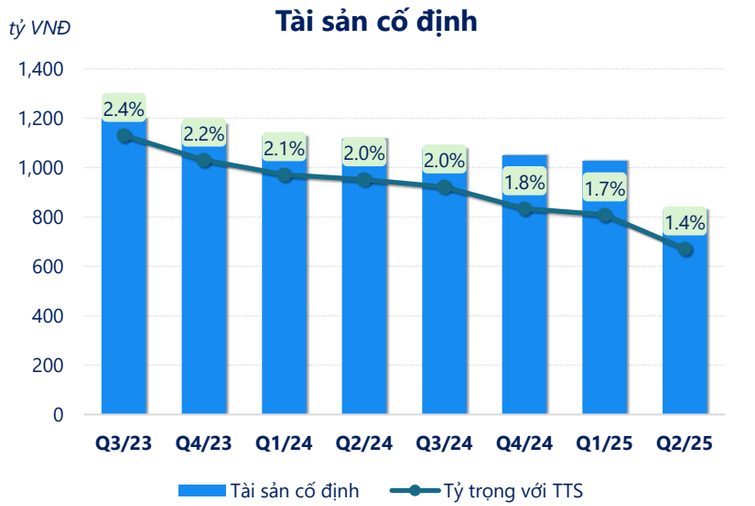
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



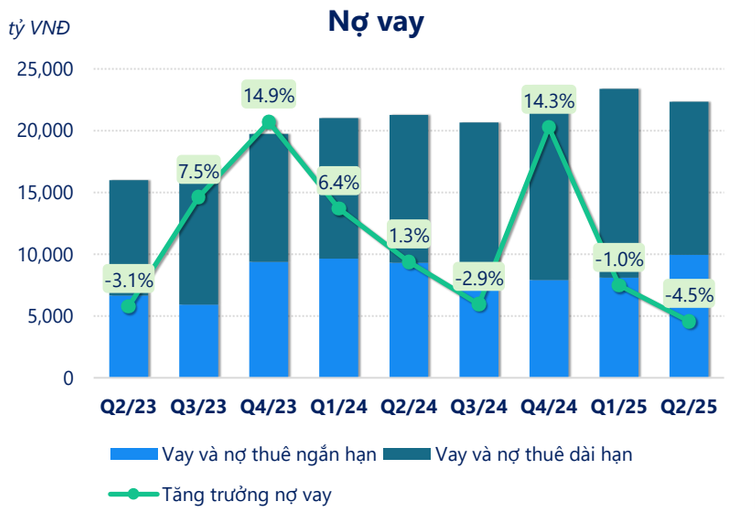
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



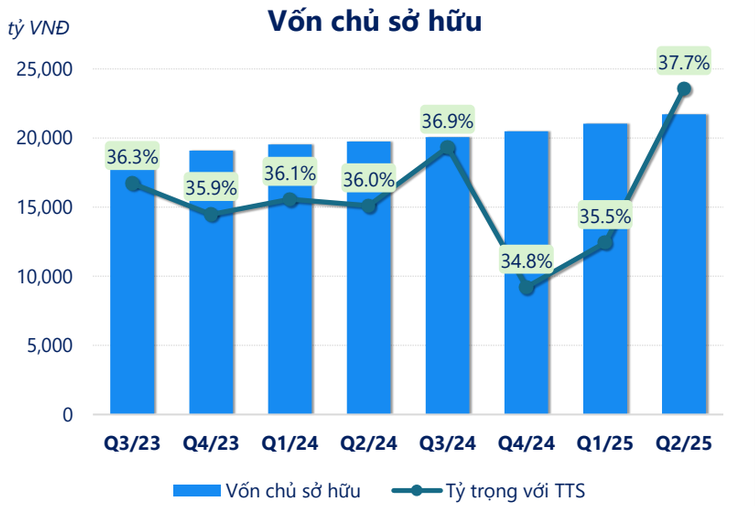
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

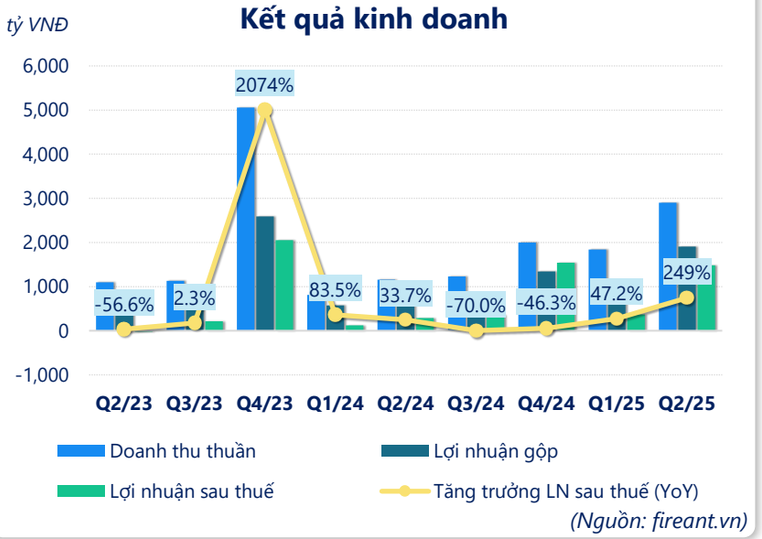
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

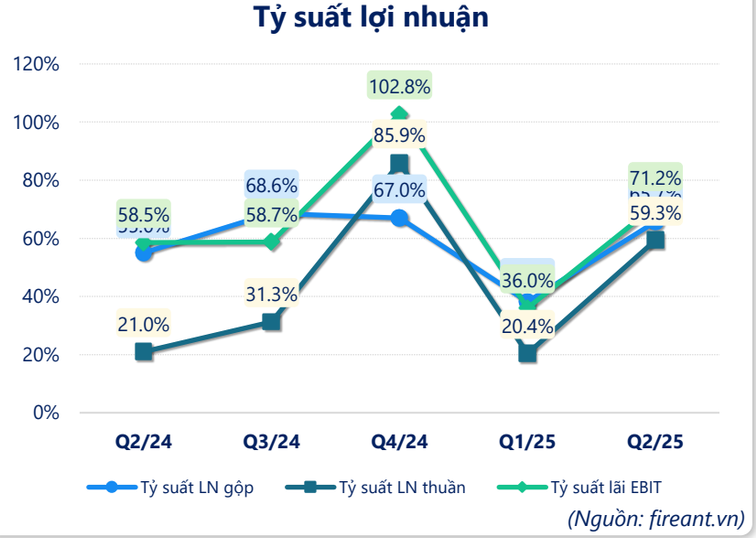
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (HSX: BCM)

Kết quả kinh doanh



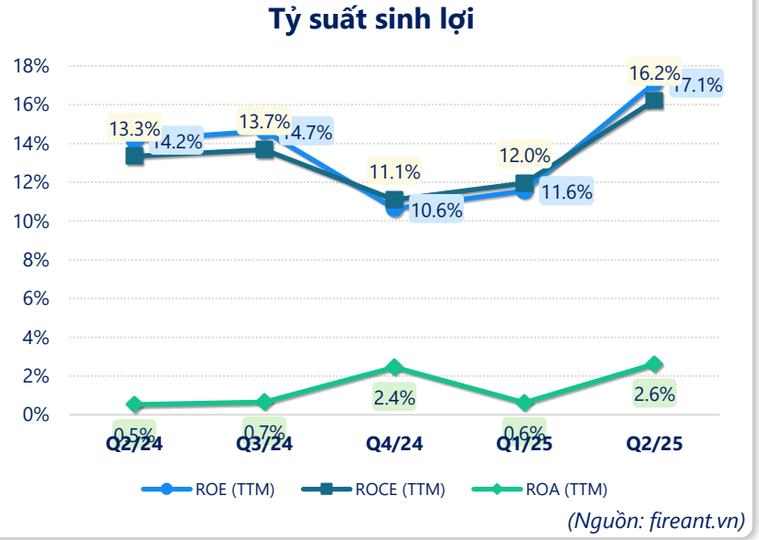
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



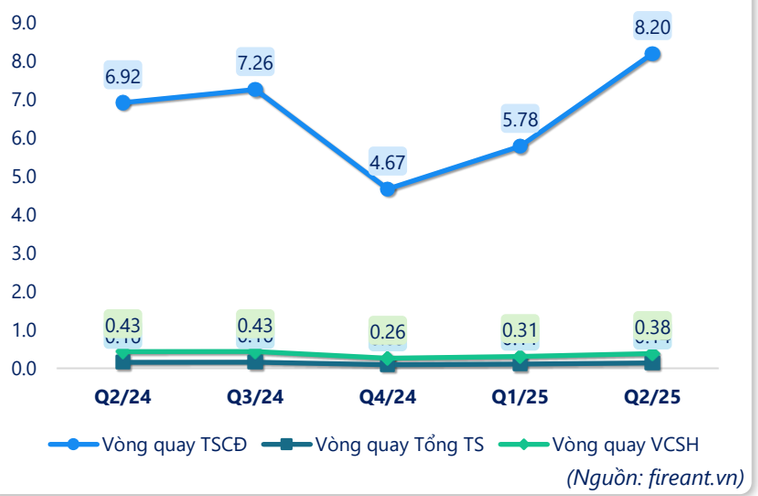
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



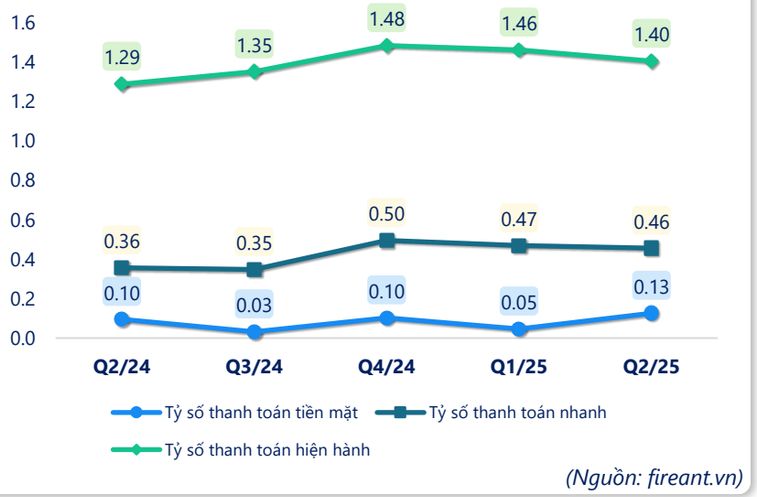
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



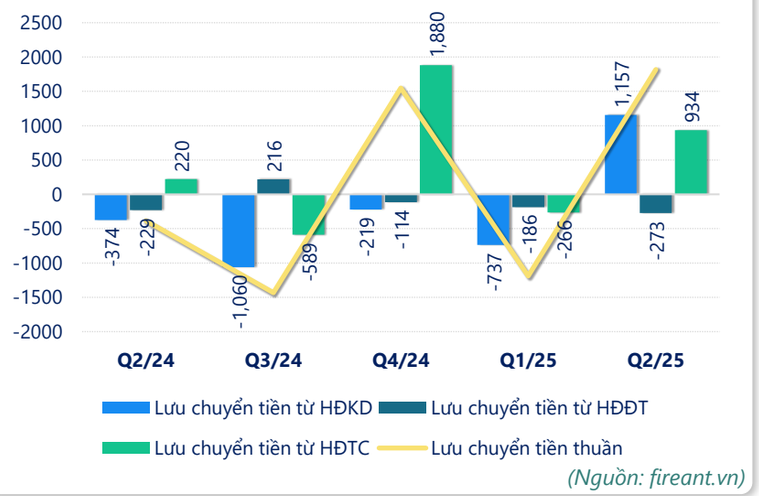
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (HSX: BCM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**57,597**	**58,781**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	31,548	31,704	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	2,833	2,205	28.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	299	300	-0.4%
Phải thu ngắn hạn	7,087	8,064	-12.1%
Hàng tồn kho	21,296	21,055	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	33.2	80.4	-58.8%
Tài sản dài hạn	**26,049**	**27,077**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	0	413	-100%
Tài sản cố định	828	1,062	-22.0%
Bất động sản đầu tư	2,609	2,662	-2.0%
Tài sản dở dang	1,025	3,046	-66.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	21,231	19,493	8.9%
Tài sản dài hạn khác	**354**	**400**	**-11.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35,874	38,102	-5.8%
Nợ ngắn hạn	**22,463**	**21,930**	**2.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9,962	8,444	18.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	340	575	-40.9%
Nợ dài hạn	13,410	16,172	-17.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	12,370	15,184	-18.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**21,723**	**20,679**	**5.0%**
Vốn chủ sở hữu	**21,723**	**20,679**	**5.0%**
Vốn điều lệ	10,350	10,350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,156	1,228	2,000	1,843	2,904
Giá vốn hàng bán	520	385	660	1,138	996
Lợi nhuận gộp	636	842	1,340	704	1,908
Doanh thu HĐTC	135	3.42	25.9	102	50.7
Chi phí TC	448	342	355	308	383
Chi phí lãi vay	433	342	355	292	369
LN trong công ty LKLD	463	243	1,189	271	543
Chi phí bán hàng	322	224	314	257	261
Chi phí QLDN	222	139	168	137	135
LN thuần từ HĐKD	242	384	1,718	376	1,723
Lợi nhuận khác	1.75	-5.11	-17.6	-3.31	-24.4
LN trước thuế	244	379	1,701	372	1,698
Lợi nhuận sau thuế	287	363	1,540	366	1,481
LNST của CĐ cty mẹ	273	344	1,370	358	1,476

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-374	-1,060	-219	-737	1,157
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-229	216	-114	-186	-273
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	220	-589	1,880	-266	934
Tiền đầu kỳ	2,480	2,096	663	2,205	1,015
Lưu chuyển tiền thuần	**-384**	**-1,433**	**1,547**	**-1,190**	**1,818**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.02	0	0
Tiền cuối kỳ	2,096	663	2,210	1,015	2,833

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic